

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: QUẢN TRỊ SẢN PHẨM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
1	2213360286	Mai Huỳnh	Anh	24/05/2006	02MK14C1	5,0	8,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
2	2203360114	Trần Thái Gia	Bảo	15/03/2005	02MK14C1	7,0	5,5	6,0		5,5		5,7	Đạt
3	2213360180	Mai Thành	Công	30/03/2005	02MK14C1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
4	2213360198	Bùi Hoàng	Duy	31/10/2005	02MK14C1	7,0	7,5	7,3		8,5		8,0	Đạt
5	2213360092	Phan Thanh	Duyên	01/01/2006	02MK14C1	8,0	10,0	9,3		8,5		8,8	Đạt
6	2213360074	Đặng Công	Hậu	05/11/2003	02MK14C1	4,5	5,5	5,2		8,3		7,0	Đạt
7	2213360253	Phạm Huy	Hùng	31/08/2006	02MK14C1	4,0	6,5	5,7		6,5		6,2	Đạt
8	2213360013	Lê Phùng Nhật	Huy	14/09/2005	02MK14C1	6,0	8,5	7,7		5,5		6,4	Đạt
9	2213360289	Nguyễn Hoàng	Khang	07/10/2003	02MK14C1	5,0	9,5	8,0		6,0		6,8	Đạt
10	2213360320	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	01/12/2005	02MK14C1	5,5	5,5	5,5		8,2		7,1	Đạt
11	2213360325	Biện Tiến	Lâm	17/10/2003	02MK14C1	6,0	9,5	8,3		4,3		5,9	Đạt
12	2213360212	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	02MK14C1	8,5	9,5	9,2		7,0		7,9	Đạt
13	2213360093	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	29/11/2006	02MK14C1	8,5	8,5	8,5		7,0		7,6	Đạt
14	2213360335	Trần Thụy Ánh	Ngân	02/12/2005	02MK14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
15	2213360207	Đặng Nguyễn Xuân	Nghi	21/12/2006	02MK14C1	5,0	9,5	8,0		8,8		8,5	Đạt
16	2213240124	Phan Tiến	Nhất	18/02/1998	02MK14A1	8,5	7,5	7,8		8,5		8,2	Đạt
17	2213360199	Trần Yên	Nhi	03/02/2006	02MK14C1	6,0	7,5	7,0				2,8	Thi lại
18	2213240038	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	22/01/2000	02MK14A1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
19	2213360330	Huỳnh Tấn	Phát	23/01/2006	02MK14C1	5,5	7,5	6,8		8,0		7,5	Đạt
20	2213360318	Nguyễn Hoàng Anh	Phương	26/02/2006	02MK14C1	10,0	8,5	9,0		8,5		8,7	Đạt
21	2213360354	Đặng Huỳnh Phương	Thảo	16/08/2002	02MK14C1	9,0	9,0	9,0		7,0		7,8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: QUẢN TRỊ SẢN PHẨM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
22	2213360113	Nguyễn Huỳnh Minh	Thy	27/10/2006	02MK14C1	4,0	7,0	6,0		8,5		7,5	Đạt
23	2213360223	Trần Ngọc Bảo	Trân	27/01/2005	02MK14C1	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
24	2213360210	Phạm Thanh	Trí	06/12/2005	02MK14C1	9,5	9,5	9,5		5,8		7,3	Đạt
25	2213360240	Nguyễn Thanh Doãn Thùy	Trúc	11/06/2006	02MK14C1	5,0	8,0	7,0		9,0		8,2	Đạt